

Số: 2194 /QĐ-HĐTSTĐTHS

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
về việc công nhận kết quả trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh
trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2025

CHỦ TỊCH HĐTS TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Căn cứ Quyết định số 08/2024/QĐ-TTg, ngày 28/06/2024 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Ngoại giao trực thuộc Bộ Ngoại giao;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 666/QĐ-HVNG ngày 23/09/2021 của Giám đốc Học viện Ngoại giao về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Học viện Ngoại giao;

Căn cứ Quyết định số 1318/QĐ-HVNG ngày 12/08/2025 của Giám đốc Học viện Ngoại giao về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2025;

Căn cứ kết quả thi tuyển trình độ thạc sĩ các chuyên ngành Quan hệ quốc tế, Luật quốc tế, Kinh tế quốc tế, Truyền thông quốc tế đợt 2 năm 2025 của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh ký ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Xét đề nghị của Hội đồng tuyển sinh trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xác định điểm chuẩn trúng tuyển trong kỳ tuyển sinh trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2025 là:

- Chuyên ngành Quan hệ quốc tế: 11.75 điểm;
- Chuyên ngành Luật quốc tế: 13.00 điểm;
- Chuyên ngành Kinh tế quốc tế: 11.00 điểm;
- Chuyên ngành Truyền thông quốc tế: 14.75 điểm.



Điều 2. Công nhận các thí sinh trong danh sách kèm theo trúng tuyển trong kỳ thi tuyển sinh trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quan hệ quốc tế, Luật quốc tế, Kinh tế quốc tế, Truyền thông quốc tế đợt 2 năm 2025.

Điều 3. Trưởng Ban Đào tạo, Trưởng các đơn vị liên quan và các thí sinh trong danh sách kèm theo có trách nhiệm thi hành quyết định này từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Ngoại giao (để b/c);
- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Như điều 3;
- Lưu: HCTH, BĐT.

**GIÁM ĐỐC
CHỦ TỊCH HĐTS**



TS. Nguyễn Hùng Sơn



HỌC VIỆN NGOẠI GIAO
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
ĐỢT 2 NĂM 2025



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN - THI TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 2 NĂM 2025
CHUYÊN NGÀNH QUAN HỆ QUỐC TẾ

(Ban hành kèm theo Quyết định: 2.194 /QĐHVNG ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Chủ tịch HĐTS)

STT	Họ và tên	GT	Ngày sinh	SBD	KẾT QUẢ DỰ THI			Ngoại ngữ	Ghi chú
					Triết học	Chính trị quốc tế	Tổng		
1	Nguyễn Ngọc Anh	Nam	01/09/1994	QHQT.001	6.50	5.25	11.75	Cử nhân ngành Ngôn ngữ Nhật, Trường Đại học Ngoại thương	
2	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	01/04/2002	QHQT.003	8.00	7.63	15.63	Cử nhân ngành Ngôn ngữ Pháp, Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN	
3	Hoàng Phương Anh	Nữ	26/10/1994	QHQT.004	7.50	8.25	15.75	Chứng chỉ ngoại ngữ bậc 4, khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (07/10/2025), Đại học Bách Khoa Hà Nội	

4	Phạm Đức Anh	Nam	18/01/2002	QHQT.006	8.00	7.38	15.38	Cử nhân ngành Quan hệ quốc tế, Đại học Quốc tế Tokyo, Nhật Bản - Chương trình học bằng Ngôn ngữ tiếng Anh
5	Đặng Phan Anh	Nam	21/11/2003	QHQT.007	6.50	8.00	14.50	Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 8.0, cấp ngày 06/12/2024
6	Đỗ Phi Anh	Nam	16/03/2003	QHQT.009	7.00	7.63	14.63	Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 7.5, cấp ngày 13/10/2025
7	Nguyễn Thị Châu Anh	Nữ	25/09/2003	QHQT.010	7.00	8.13	15.13	Chứng chỉ tiếng Pháp DELF B2, cấp ngày 18/10/2024
8	Ngô Gia Bách	Nam	15/06/2003	QHQT.011	7.00	7.50	14.50	Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 8.0, cấp ngày 03/10/2025
9	Nguyễn Tiến Đạt	Nam	17/10/2000	QHQT.013	8.00	6.60	14.60	Quan hệ quốc tế và Khoa học chính trị, chương trình liên kết đào tạo giữa Trường Đại học Victoria, Wellington và Học viện Ngoại giao - Chương trình học bằng ngôn ngữ tiếng Anh

10	Đỗ Thị Vân Dung	Nữ	25/11/2002	QHQT.015	8.00	8.13	16.13	Cử nhân ngành Quốc tế học, trường Đại học Hà Nội - Chương trình học bằng ngôn ngữ tiếng Anh
11	Nguyễn Chí Dũng	Nam	24/07/2004	QHQT.016	8.00	6.75	14.75	Cử nhân ngành Quốc tế học, Trường Đại học Hà Nội - Chương trình học bằng ngôn ngữ tiếng Anh
12	Vũ Ngọc Dũng	Nam	22/09/2002	QHQT.017	8.00	7.75	15.75	Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 7.5, cấp ngày 30/05/2024
13	Hoàng Đức Đại Dương	Nam	02/11/2003	QHQT.018	6.00	7.38	13.38	Chứng chỉ tiếng Pháp DELF B2, cấp ngày 29/06/2025
14	Nguyễn Phạm Vân Giang	Nữ	22/11/2003	QHQT.019	7.00	6.75	13.75	Chứng chỉ tiếng Anh TOEIC (Listening 460, Reading 370 cấp ngày 23/03/2025; Speaking 150, Writing 140, cấp ngày 16/04/2025)
15	Phạm Thị Ngân Hạnh	Nữ	02/06/2003	QHQT.023	7.5	7.00	14.50	Chứng chỉ tiếng Trung HSK 5, cấp ngày 15/03/2025

16	Lý Thị Ngọc Huyền	Nữ	07/11/2001	QHQT.030	7.00	7.00	14.00	Cử nhân ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, Trường Đại học Hà Nội	
17	Trần Đức Khánh	Nam	13/12/1984	QHQT.033	7.50	5.25	12.75	Cử nhân ngành Tiếng Nga, Trường Đại học Ngoại ngữ Quân sự	
18	Phạm Nguyễn Khánh Linh	Nữ	17/09/2002	QHQT.038	7.25	6.50	13.75	Cử nhân ngành Ngôn ngữ Pháp, Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN	
19	Vũ Thùy Linh	Nữ	01/11/2004	QHQT.039	7.00	7.75	14.75	Tốt nghiệp Học viện Ngoại giao 2025	
20	Bùi Thăng Long	Nam	06/10/2003	QHQT.041	5.00	7.50	12.50	Cử nhân ngành Quan hệ quốc tế và Nghiên cứu Truyền thông, liên kết đào tạo giữa Trường Đại học Victoria, Wellington và Học viện Ngoại giao-Chương trình học bằng ngôn ngữ Tiếng Anh	

21	Nguyễn Ngọc Minh	Nam	14/11/2002	QHQT.044	7.50	5.25	12.75	Cử nhân Quốc tế học, Trường Đại học Hà Nội - Chương trình học bằng ngôn ngữ tiếng Anh
22	Nguyễn Quang Minh	Nam	08/10/2003	QHQT.045	6.00	7.25	13.25	Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 6.5, cấp ngày 02/08/2025
23	Nguyễn Hà My	Nữ	01/05/2003	QHQT.047	5.00	6.75	11.75	Chứng chỉ tiếng Anh PEIC B2, cấp ngày 21/11/2025
24	Hoàng Kim Ngân	Nữ	22/12/2003	QHQT.049	6.00	8.00	14.00	Cử nhân ngành Quản trị kinh doanh quốc tế, liên kết đào tạo giữa Trường Đại học Staffordshire và Trường Đại học Anh quốc tại Việt Nam - Chương trình học bằng ngôn ngữ tiếng Anh

25	Nguyễn Thị Thủy Ngân	Nữ	27/12/2000	QHQT.050	8.00	7.75	15.75	Cử nhân Ngôn ngữ Anh, Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN
26	Vũ Thị Mai Ngân	Nữ	20/05/2002	QHQT.051	7.5	7.5	15.00	Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 7.0, cấp ngày 05/12/2023
27	Đặng Thị Thảo Ngân	Nữ	21/10/2003	QHQT.052	6.00	7.25	13.25	Cử nhân Ngôn ngữ Tây Ban Nha, Trường Đại học Hà Nội
28	Hoàng Châu Ngọc Nhi	Nữ	01/11/2003	QHQT.055	6.50	7.00	13.50	Cử nhân Ngôn ngữ Anh, Học viện Ngoại giao
29	Nguyễn Thị Minh Nhung	Nữ	19/11/2003	QHQT.057	6.00	6.75	12.75	Chứng chỉ tiếng Anh TOEIC (Listening 380, Reading 350 cấp ngày 18/03/2025; Speaking 140, Writing 150, cấp ngày 21/05/2025)

30	Trần Thu Tâm	Nữ	11/11/2003	QHQT.061	8.00	7.75	15.75	Cử nhân Ngôn ngữ Hàn Quốc, Trường Đại học Hà Nội	
31	Lê Thị Thảo	Nữ	27/10/2003	QHQT.062	5.50	6.75	12.25	Chứng chỉ ngoại ngữ bậc 4, khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (17/12/2024), Học viện Báo chí và Tuyên truyền	
32	Nguyễn Đình Hào Thiên	Nam	01/05/2003	QHQT.064	8.00	6.75	14.75	Quốc tế học, trường Đại học Hà Nội - Chương trình học bằng ngôn ngữ tiếng Anh	
33	Phạm Minh Trang	Nữ	12/01/2003	QHQT.069	6.50	7.00	13.50	Cử nhân ngành Truyền thông (Truyền thông chuyên nghiệp), Học viện Công nghệ Hoàng gia Melbourne (RMIT), Australia - Chương trình học bằng ngôn ngữ tiếng Anh	
34	Nguyễn Hoàng Minh Trang	Nữ	10/11/2003	QHQT.070	6.50	7.00	13.50	Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 6.5, cấp ngày 19/05/2025	

35	Đào Cẩm Huyền Trang	Nữ	30/09/1999	QHQT.071	6.50	7.75	14.25	Chứng chỉ ngoại ngữ bậc 3, khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (27/05/2025), Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN
36	Mai Xuân Trường	Nam	10/06/2003	QHQT.073	6.50	6.75	13.25	Chứng chỉ tiếng Pháp DELF B2, cấp ngày 15/12/2024
37	Vũ Mạnh Tuấn	Nam	02/08/1999	QHQT.074	5.50	7.75	13.25	Cử nhân Ngôn ngữ Trung Quốc, Đại học Mở Hà Nội
38	Bùi Thị Hồng Tươi	Nữ	16/12/1999	QHQT.075	6.00	7.00	13.00	Chứng chỉ tiếng Anh PEIC B1, cấp ngày 03/12/2025
39	Phan Vĩnh Tường	Nam	06/10/2000	QHQT.076	6.00	7.50	13.50	Chứng chỉ tiếng Trung HSK 3, cấp ngày 19/10/2024
40	Phạm Khánh Vân	Nữ	12/01/2003	QHQT.078	7.00	7.25	14.25	Cử nhân ngành Truyền thông (Truyền thông chuyên nghiệp), Học viện Công nghệ Hoàng gia Melbourne (RMIT), Australia - Chương trình học bằng ngôn ngữ tiếng Anh

41	Nguyễn Mạnh Vũ	Nam	28/06/1992	QHQT.079	6.00	8.00	14.00	Chứng chỉ ngoại ngữ bậc 4, khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (30/06/2025), Trường Đại học Hà Nội
42	Nguyễn Lê Hải Yến	Nữ	30/03/2001	QHQT.080	7.00	5.25	12.25	Cử nhân ngành Chính trị học, Kinh tế học, Trường Đại học Villanova, Hoa Kỳ - Chương trình học bằng ngôn ngữ tiếng Anh

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2025

Người lập bảng



PGS.TS. Nguyễn Thị Hạnh

GIÁM ĐỐC
CHỦ TỊCH HĐQT



TS. Nguyễn Hùng Sơn



HỌC VIỆN NGOẠI GIAO
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
ĐỢT 2 NĂM 2025



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN - THI TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 2 NĂM 2025
CHUYÊN NGÀNH LUẬT QUỐC TẾ

Ban hành kèm theo Quyết định: 2154 /QĐHVNG ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Chủ tịch HĐTS)

STT	Họ và tên	GT	Ngày sinh	SBD	KẾT QUẢ DỰ THI			Ngoại ngữ	Ghi chú
					Triết học	Công pháp quốc tế	Tổng		
1	Mai Quỳnh Anh	Nữ	06/08/2003	LQT.001	6.00	7.00	13.00	Chứng chỉ tiếng Anh PEIC B1, cấp ngày 26/11/2025	
2	Trần Phương Anh	Nữ	01/04/1992	LQT.002	7.50	7.00	14.50	Chứng chỉ tiếng Anh PEIC B2, cấp ngày 22/11/2025	
3	Tạ Thị Ngọc Ánh	Nữ	04/07/2003	LQT.003	8.00	9.00	17.00	Chứng chỉ tiếng Anh Aptis ESOL B2, cấp ngày 28/11/2025	



4	Phùng Thị Minh Nguyệt	Nữ	03/09/2003	LQT.006	6.00	8.00	14.00	Chứng chỉ tiếng Trung HSK 5, cấp ngày 12/04/2025
5	Nguyễn Thanh Thảo	Nữ	07/02/2000	LQT.011	8.00	8.50	16.50	Chứng chỉ ngoại ngữ bậc 4, khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (25/11/2025), Trường Đại học Hà Nội

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2025

Người lập bảng



PGS.TS. Nguyễn Thị Hạnh

GIÁM ĐỐC
CHỦ TỊCH HĐQTS



TS. Nguyễn Hùng Sơn



HỌC VIỆN NGOẠI GIAO
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
ĐỢT 2 NĂM 2025



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN - THI TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 2 NĂM 2025
CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ

(Ban hành kèm theo Quyết định: 2194 /QĐHVNG ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Chủ tịch HĐTS)

STT	Họ và tên	GT	Ngày sinh	SBD	KẾT QUẢ DỰ THI			Ngoại ngữ	Ghi chú
					Kinh tế học	Kinh tế quốc tế	Tổng		
1	Nguyễn Thị Trâm Anh	Nữ	08/09/1995	KTQT.001	8.00	6.00	14.00	Cử nhân ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, Trường Đại học Tôn Đức Thắng	
2	Phạm Thị Ngọc Anh	Nữ	15/05/2002	KTQT.002	8.00	8.00	16.00	Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 7.0, cấp ngày 16/09/2024	
3	Nông Thế Bình	Nam	01/10/2003	KTQT.003	7.75	7.50	15.25	Cử nhân ngành Nghiên cứu phát triển, Trường Đại học Hà Nội - Chương trình học bằng ngôn ngữ tiếng Anh	



4	Đào Ngọc Diệp	Nữ	17/09/1993	KTQT.004	7.00	8.00	15.00	Cử nhân ngành Kinh doanh (Quản lý khách sạn và khu nghỉ dưỡng quốc tế), Trường Đại học Torrens, Australia - Chương trình học bằng ngôn ngữ tiếng Anh
5	Nguyễn Vương Hà	Nữ	25/09/1997	KTQT.006	6.00	8.50	14.50	Chứng chỉ tiếng Anh PEIC B2, cấp ngày 29/11/2025
6	Phạm Thị Như Hoa	Nữ	24/03/2001	KTQT.007	7.00	8.00	15.00	Cử nhân ngôn ngữ Anh, Học viện Ngoại giao
7	Vũ Tá Vi Khanh	Nữ	22/02/2001	KTQT.008	5.00	6.00	11.00	Cử nhân ngành Kinh doanh quốc tế, Học viện Công nghệ Hoàng gia Melbourne (RMIT), Australia - Chương trình học bằng ngôn ngữ tiếng Anh
8	Nguyễn Đình Khoa	Nam	02/03/2001	KTQT.009	8.50	8.50	17.00	Cử nhân Tin học kinh tế, Trường Đại học Siegen, CHLB Đức, Chương trình học bằng ngôn ngữ tiếng Đức
9	Cao Bùi Phương My	Nữ	01/01/2003	KTQT.012	5.00	7.00	12.00	Cử nhân Kinh doanh, chương trình liên kết đào tạo giữa Trường Đại học Ngoại thương và Trường Đại học Bedfordshire - Chương trình học bằng ngôn ngữ tiếng Anh
10	Bùi Minh Ngân	Nữ	24/11/2000	KTQT.013	5.00	7.50	12.50	Chứng chỉ tiếng Anh PEIC B2, cấp ngày 08/12/2025



11	Phùng Ngọc Bảo Nguyên	Nữ	14/09/2000	KTQT.014	9.00	8.50	17.50	Chứng chỉ tiếng Anh PEIC B2, cấp ngày 24/11/2025
12	Nguyễn Minh Nhật	Nam	15/11/2002	KTQT.015	5.00	7.00	12.00	Chứng chỉ tiếng Anh PEIC B1, cấp ngày 28/11/2025
13	Phùng Thúy Quỳnh	Nữ	02/09/1993	KTQT.016	5.00	6.50	11.50	Chứng chỉ ngoại ngữ bậc 4, khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (24/01/2024), Đại học Thái Nguyên
14	Trịnh Quang Thái	Nam	26/12/1995	KTQT.017	9.00	8.50	17.50	Chứng chỉ ngoại ngữ bậc 4, khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (24/11/2024), Đại học Phenikaa

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2025

Người lập bảng



PGS.TS. Nguyễn Thị Hạnh

GIÁM ĐỐC

CHỦ TỊCH HĐQT



TS. Nguyễn Hùng Sơn



HỌC VIỆN NGOẠI GIAO
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
ĐỢT 2 NĂM 2025

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN - THI TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 2 NĂM 2025
CHUYÊN NGÀNH TRUYỀN THÔNG QUỐC TẾ

(Ban hành kèm theo Quyết định: 2194 /QĐHVNG ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Chủ tịch HĐTS)

STT	Họ và tên	GT	Ngày sinh	SBD	KẾT QUẢ DỰ THI			Ngoại ngữ	Ghi chú
					Triết học	Truyền thông quốc tế	Tổng		
1	Đàm Thị Diễm	Nữ	29/05/2001	TTQT.005	8.00	7.50	15.50	Chứng chỉ ngoại ngữ bậc 4, khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (04/08/2025), Đại học Bách Khoa Hà Nội	
2	Mai Thị Thu Hà	Nữ	15/10/1993	TTQT.009	7.50	8.25	15.75	Chứng chỉ tiếng Anh Aptis ESOL B1, cấp ngày 08/11/2025	
3	Nguyễn Thu Hà	Nữ	25/03/2001	TTQT.010	8.50	7.00	15.50	Cử nhân Truyền thông Đa phương tiện, Trường Đại học Hà Nội - Chương trình học bằng ngôn ngữ tiếng Anh	
4	Hoàng Hồng Hạnh	Nữ	30/03/1986	TTQT.011	7.50	7.25	14.75	Cử nhân Tiếng Anh, trường Đại học Hà Nội	



5	Nguyễn Huy Hoàng	Nam	21/09/2003	TTQT.014	8.00	7.50	15.50	Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 6.5, cấp ngày 12/05/2025
6	Quách Thị Thảo	Nữ	19/04/2003	TTQT.028	8.25	6.75	15.00	Chứng chỉ tiếng Anh IELTS 5.5, cấp ngày 25/04/2025
7	Nguyễn Cẩm Tú	Nữ	02/05/1993	TTQT.031	7.50	7.75	15.25	Chứng chỉ tiếng Anh Aptis ESOL C1, cấp ngày 23/11/2025
8	Nguyễn Thị Như Ý	Nữ	24/12/1999	TTQT.032	7.00	8.00	15.00	Chứng chỉ ngoại ngữ bậc 3, khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (27/08/2025), Trường Đại học Cần Thơ

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2025

Người lập bảng



PGS.TS. Nguyễn Thị Hạnh

**GIÁM ĐỐC
CHỦ TỊCH HĐQT**



TS. Nguyễn Hùng Sơn

